

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2019

V/v: Ly hôn giữa ông L và bà T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Bông.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Đại L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà 402 đường Nguyễn Văn C, phường Lộc Ph, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Minh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà 90/8 đường Lê L, xã Lộc Th, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông L có mặt tại phiên tòa; bà T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vũ Đại L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị Minh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thanh, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/10/1999. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng ông sống không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về cách làm ăn kinh tế, vợ chồng thường cãi vã không có

sự tôn trọng lẫn nhau. Ngoài ra giữa ông và bà T không có con chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông đã chuyển đi nơi khác sinh sống từ tháng 06/2017 cho đến nay, giữa ông và bà T mạnh ai nấy sống không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay ông thấy tình cảm của mình đối với bà T không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên ông đề nghị được ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, cũng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Ông khai không có.

Nợ chung: Ông khai không có.

Tại phiên tòa, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà T. Bà T vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà T đến để giải quyết nhưng bà T vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà T là có căn cứ chấp nhận; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét; Về án phí: Buộc ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Đại L và bà Đặng Thị Minh

Trang được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa ông L và bà T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vợ chồng ông L và bà T không có con chung nên phải chịu nhiều áp lực, cuộc sống chung không có sự cảm thông, chia sẻ cùng nhau. Tại phiên tòa ông L vẫn kiên quyết xin được ly hôn với bà T vì tình cảm vợ chồng không còn nữa. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng ông L, bà T không có con chung nên phải chịu áp lực từ nhiều phía, vợ chồng sống không hạnh phúc. Ông L và bà T mỗi người đã sống một nơi từ giữa năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông L và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bà T rất nhiều lần để làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt, như vậy bà T đã từ bỏ quyền lợi của mình. Theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự thì Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về con chung: Ông L khai không có con chung; không có con nuôi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ông L khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Vũ Đại L và bà Đặng Thị Minh T.
2. Về con chung, con nuôi: Ông L khai không có.
3. Về tài sản chung: Ông L khai không có.
4. Về nợ chung: Ông L khai không có.

5. Về án phí: Ông Vũ Đại L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005478 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND xã Lộc Thanh, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền

